

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2008/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 4 năm 2008

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Bổ sung chi tiết các phẫu thuật, thủ thuật mục C 2.7 ở Phụ lục 1 và dịch vụ phục hồi chức năng ở Phụ lục 2 tại Quyết định số 2340/2007/QĐ-UBND ngày 25/10/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;*

*Căn cứ Pháp lệnh số 38/2001/PL-UBTV-QH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phí, lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP.*

*Căn cứ Nghị định số 95/CP ngày 27 tháng 8 năm 1994 của Chính phủ về việc thu một phần viện phí;*

*Căn cứ Thông tư Liên bộ số 03/2006/ TTLT-BYT-BTC-BLDTB&XH ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Liên bộ Y tế, Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện thu một phần viện phí;*

*Căn cứ Quyết định số 1904/1998/QĐ-BYT ngày 10 tháng 8 năm 1998 và Quyết định số 2590/2004/QĐ-BYT ngày 30 tháng 7 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Y tế về danh mục phẫu thuật, thủ thuật;*

*Căn cứ Quyết định số 2340/2007/ QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành mức giá thu một phần viện phí và các dịch vụ y tế áp dụng tại các cơ sở khám chữa bệnh trong hệ thống y tế nhà nước thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý;*

*Xét báo cáo, đề nghị của Sở Y tế Thái Nguyên tại Tờ trình số 161/TTr-SYT ngày 19 tháng 3 năm 2008, đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 517/TTr-STC ngày 07 tháng 4 năm 2008 về bổ sung chi tiết các phẫu thuật, thủ thuật mục C 2.7 tại Quyết định số 2340/2007/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành bổ sung chi tiết các phẫu thuật, thủ thuật, mức giá thu một phần viện phí và các dịch vụ y tế áp dụng tại các cơ sở khám chữa bệnh trong hệ thống y tế nhà nước thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.

*(có Phụ lục 1, 2 chi tiết kèm theo Quyết định này).*

**Điều 2.** Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Y tế và các ngành có liên quan hướng dẫn các bệnh viện, các cơ sở khám chữa bệnh trong hệ thống y tế nhà nước thuộc tỉnh Thái Nguyên, tổ chức thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của các bộ ngành Trung ương.

Việc quản lý và sử dụng khoản phí này được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2340/2007/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị: Tài chính, Y tế, Lao động Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Kho bạc Nhà Nước tỉnh và các ngành liên quan; Giám đốc các Bệnh viện, các Trung tâm y tế và Cơ sở khám chữa bệnh thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2008./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Trịnh Thị Cúc**

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH MỤC CHI TIẾT CÁC KỸ THUẬT THUỘC**  
**NHÓM PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2008/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**Phần A: PHẪU THUẬT**

STT	TÊN PHẪU THUẬT	LOẠI PHẪU THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
	<b>I. Khối u</b>		
1	Cắt toàn bộ tuyến giáp và vét hạch cổ hai bên	PTĐB	1.750.000
2	Cắt toàn bộ tuyến giáp, 1 thùy và vét hạch cổ cùng bên	PT I	1.260.000
3	Cắt một nửa dạ dày do ung thư kèm vét hạch hệ thống	PT I	1.260.000
4	Cắt ung thư sàng hàm chưa lan rộng	PT I	1.260.000
5	Cắt ung thư giáp trạng	PT I	1.260.000
6	Cắt tuyến vú mở rộng có vét hạch	PT I	1.260.000
7	Cắt ung thư buồng trứng kèm cắt toàn bộ tử cung và mạc nối	PT I	1.260.000
8	Cắt bỏ tinh hoàn và vét hạch ổ bụng	PT I	1.260.000
9	Cắt tinh hoàn ung thư lạc chỗ có vét hạch ổ bụng	PT I	1.260.000
10	Cắt chi và vét hạch	PT I	1.260.000
11	Cắt ung thư thận	PT I	1.260.000
12	Cắt bỏ Dương vật có vét hạch	PT I	1.260.000
13	Vét hạch tiểu khung qua nội soi	PT I	1.260.000
14	Cắt âm hộ vét hạch bên 2 bên	PT I	1.260.000
15	Cắt tử cung phần phụ kèm vét hạch tiểu khung	PT I	1.260.000
16	Cắt ung thư da có vá da rộng đường kính trên 5 cm	PT I	1.260.000

STT	TÊN PHẪU THUẬT	LOẠI PHẪU THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
17	Cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm	PT I	1.260.000
18	Khoét nhãn cầu, vét cắt bỏ nhãn cầu, mi, hố mắt ung thư	PT I	1.260.000
19	Cắt tuyến nước bọt mang tai	PT I	1.260.000
20	Phẫu thuật vét hạch cổ bảo tồn	PT I	1.260.000
21	Cắt ung thư phần mềm chi trên/dưới đường kính bằng và trên 5cm	PT I	1.260.000
22	Cắt 1 nửa lưỡi	PT I	1.260.000
23	Khâu cầm máu gan và dẫn lưu ổ bụng do ung thư gan vỡ	PT I	1.260.000
24	Thắt động mạch gan ung thư hoặc chảy máu đường mật	PT II	700.000
25	Phẫu thuật vét hạch nách	PT II	700.000
26	Cắt u giáp trạng	PT II	700.000
27	Cắt tinh hoàn ung thư lạc chỗ không vét hạch ổ bụng	PT II	700.000
28	Cắt ung thư phần mềm chi trên/chi dưới đường kính dưới 5 cm	PT II	700.000
29	Khoét chóp cổ tử cung	PT II	700.000
30	Cắt bỏ tinh hoàn	PT II	700.000
31	Cắt u lành phần mềm đường kính bằng và trên 5cm	PT II	700.000
32	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 5cm	PT III	560.000
33	Phẫu thuật sinh thiết chẩn đoán	PT III	560.000
34	Cắt u vú nhỏ	PT III	560.000
35	Cắt polip cổ tử cung	PT III	560.000
36	Cắt u thành âm đạo	PT III	560.000

STT	TÊN PHẪU THUẬT	LOẠI PHẪU THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
37	Khoét nhãn cầu	PT II	700.000
	<b>II. Tim mạch - Lồng ngực</b>		
1	Khâu phục hồi mạch máu vùng cổ do chấn thương	PT I	1.260.000
2	Phẫu thuật u máu lớn, u bạch huyết lớn, đường kính trên 10 cm	PT I	1.260.000
3	Cắt một phần tuyến giáp trong bệnh Basedow	PT I	1.260.000
4	Cắt u xương sườn nhiều xương	PT I	1.260.000
5	Khâu vết thương mạch máu chi	PT I	1.260.000
6	Lấy máu cục làm nghẽn mạch	PT II	700.000
7	Cắt u xương sườn 1 xương	PT II	700.000
8	Kéo liên tục 1 mảng sườn hay mảng ức sườn	PT II	700.000
9	Khâu cơ hoành bị rách hay bị thủng do chấn thương đường bụng	PT II	700.000
10	Bóc nhân tuyến giáp	PT II	700.000
11	Phẫu thuật u mạch máu dưới da, đường kính từ 5 cm-10cm	PT II	700.000
12	Phẫu thuật bắc cầu mạch máu để chạy thận nhân tạo	PT II	700.000
13	Cắt bỏ giãn tĩnh mạch chi dưới	PT II	700.000
14	Cắt 1 xương sườn trong viêm xương	PT II	700.000
15	Thắt các động mạch ngoại vi	PT III	560.000
16	Phẫu thuật u mạch máu dưới da, đường kính dưới 5cm	PT III	560.000
17	Khâu kín vết thương thủng ngực	PT III	560.000
18	Khâu lại viền xương ức sau khi mở xương ức	PT II	700.000
	<b>III. Thần kinh sọ não</b>		

STT	TÊN PHẪU THUẬT	LOẠI PHẪU THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
1	Ghép khuyết xương sọ	PT II	700.000
2	Cắt u bán cầu đại não	PT I	1.260.000
3	Phẫu thuật áp xe não	PT I	1.260.000
4	Lấy máu tụ trong sọ, ngoài màng cứng, dưới màng cứng, trong não	PT I	1.260.000
5	Phẫu thuật chèn ép tuỷ	PT I	1.260.000
6	Phẫu thuật thoát vị đĩa đệm	PT I	1.260.000
7	Phẫu thuật vết thương sọ não hở	PT I	1.260.000
8	Khâu nối dây thần kinh ngoại biên	PT I	1.260.000
9	Khoan sọ thăm dò	PT II	700.000
10	Phẫu thuật viêm xương sọ	PT II	700.000
11	Cắt u da đầu lạnh đường kính trên 2cm	PT II	700.000
12	Rạch rộng da đầu trong máu tụ dưới da đầu	PT III	560.000
13	Nhấc xương đầu lún qua da ở trẻ em	PT III	560.000
14	Cắt u da đầu lạnh, đường kính dưới 2cm	PT III	560.000
	<b>IV. Mắt</b>		
1	Phẫu thuật phức tạp như: Cataract bệnh lý trên trẻ quá nhỏ, người bệnh quá già, có bệnh tim mạch	PT ĐB	1.750.000
2	Phẫu thuật Cataract và Glaucoma phối hợp	PT I	1.260.000
3	Cắt màng xuất tiết trước đồng tử, bao xơ sau thể thủy tinh	PT I	1.260.000
4	Phẫu thuật lác phức tạp, hội chứng AV	PT I	1.260.000
5	Phẫu thuật mộng tái phát phức tạp có vá niêm mạc/ghép giác mạc	PT I	1.260.000
6	Cắt mộng mắt, lấy thể thủy tinh vỡ, bơm hơi, bơm dịch tiền phòng	PT I	1.260.000

STT	TÊN PHẪU THUẬT	LOẠI PHẪU THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
7	Cắt móng mắt quang học có tách dính phức tạp	PT I	1.260.000
8	Thay dịch kính xuất huyết, mũ nội nhãn, tổ chức hoá	PT I	1.260.000
9	Tái tạo cùng đồ bằng da niêm mạc, tách dính mi cầu	PT I	1.260.000
10	Cắt bè cứng mạc, giác mạc	PT I	1.260.000
	<b>V. Tai - Mũi - Họng</b>		
1	Phẫu thuật Tai xương chũm trong viêm màng não	PT I	1.260.000
2	Phẫu thuật tiết căn xương chũm	PT I	1.260.000
3	Phẫu thuật sào bào thượng nhĩ vá nhĩ	PT I	1.260.000
4	Khoét mê nhĩ	PT I	1.260.000
5	Phẫu thuật cạnh mũi lấy u hốc mũi	PT I	1.260.000
6	Phẫu thuật rò vùng sống mũi	PT I	1.260.000
7	Phẫu thuật xoang trán	PT I	1.260.000
8	Nạo sàng hàm	PT I	1.260.000
9	Phẫu thuật Cadwell-Luc, phẫu thuật xoang hàm lấy răng	PT I	1.260.000
10	Cắt u thành sau họng	PT I	1.260.000
11	Cắt u thành bên họng	PT I	1.260.000
12	Mở khí quản trong u tuyến giáp	PT I	1.260.000
13	Vá nhĩ đơn thuần	PT II	700.000
14	Phẫu thuật kiểm tra xương chũm	PT II	700.000
15	Phẫu thuật tịt cửa mũi sau ở trẻ em	PT II	700.000
16	Phẫu thuật vách ngăn mũi	PT II	700.000
17	Cắt Amidan gây mê	PT II	700.000

STT	TÊN PHẪU THUẬT	LOẠI PHẪU THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
18	Cắt u nang, phẫu thuật tuyến giáp	PT II	700.000
19	Phẫu thuật chữa ngáy	PT I	1.260.000
20	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu - cổ	PT III	560.000
21	Cắt u xơ vòm mũi họng	PT ĐB	1.750.000
22	Cắt Polyp mũi	PT III	560.000
	<b>VI. Hàm - Mặt</b>		
1	Phẫu thuật đa chấn thương vùng hàm mặt trên, dưới	PT ĐB	1.750.000
2	Nạo xoang triệt để trong viêm xoang do răng	PT I	1.260.000
3	Phẫu thuật điều chỉnh xương ổ răng và nhổ nhiều răng hàng loạt từ 4 răng trở lên.	PT II	700.000
4	Nắn khớp thái dương hàm đến muộn	PT II	700.000
5	Cắt bỏ lõi xương vòm miệng	PT II	700.000
6	Rút chỉ thép, kết hợp xương, treo xương điều trị gãy xương hàm mặt	PT II	700.000
7	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm	PT III	560.000
8	Cắt nang xương hàm khó	PT I	1.260.000
	<b>VII. Tiêu hoá - Bụng</b>		
1	Cắt toàn bộ đại tràng	PTĐB	1.750.000
2	Phẫu thuật điều trị co thắt Tâm vị	PT I	1.260.000
3	Cắt dạ dày phẫu thuật lại	PT I	1.260.000
4	Cắt dạ dày sau nội vị tràng	PT I	1.260.000
5	Cắt 1 nửa dạ dày sau cắt dây thần kinh X	PT I	1.260.000
6	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính	PT I	1.260.000
7	Cắt lại đại tràng	PT I	1.260.000
8	Cắt 1 nửa đại tràng phải, trái	PT I	1.260.000

STT	TÊN PHẪU THUẬT	LOẠI PHẪU THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
9	Cắt cụt trực tràng đường bụng, đường tầng sinh môn	PT I	1.260.000
10	Cắt cụt trực tràng giữ lại cơ tròn	PT I	1.260.000
11	Cắt u sau phúc mạc	PT I	1.260.000
12	Cắt đoạn đại tràng ngang đại tràng sigma nối ngay	PT I	1.260.000
13	Phẫu thuật xoắn dạ dày kèm cắt dạ dày	PT I	1.260.000
14	Cắt 1 nửa dạ dày do viêm, loét, u lành	PT I	1.260.000
15	Cắt túi thừa tá tràng	PT I	1.260.000
16	Phẫu thuật tắc ruột do dây chằng	PT I	1.260.000
17	Cắt u mạc treo có cắt ruột	PT I	1.260.000
18	Phẫu thuật sa trực tràng đường bụng/đường tầng sinh môn có cắt ruột	PT I	1.260.000
19	Cắt dị tật hậu môn trực tràng có nối ngay	PT I	1.260.000
20	Khâu vết thương lớn tầng sinh môn kèm rách cơ tròn làm hậu môn nhân tạo	PT I	1.260.000
21	Phẫu thuật thoát vị cơ hoành	PT I	1.260.000
22	Cắt đoạn ruột non	PT I	1.260.000
23	Cắt đoạn đại tràng làm hậu môn nhân tạo	PT I	1.260.000
24	Phẫu thuật sa trực tràng không cắt ruột	PT I	1.260.000
25	Cắt u trực tràng ống hậu môn đường dưới	PT I	1.260.000
26	Cắt bỏ trĩ vòng	PT I	1.260.000
27	Đóng hậu môn nhân tạo trong phúc mạc	PT I	1.260.000
28	Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành có cắt sườn	PT I	1.260.000
29	Phẫu thuật rò hậu môn phức tạp hay phẫu thuật lại	PT I	1.260.000
30	Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bẹn có cắt ruột	PT I	1.260.000
31	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng đơn thuần	PT II	700.000

STT	TÊN PHẪU THUẬT	LOẠI PHẪU THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
32	Nôi vị tràng	PT II	700.000
33	Cắt u mạc treo không cắt ruột	PT II	700.000
34	Làm hậu môn nhân tạo	PT II	700.000
35	Đóng hậu môn nhân tạo ngoài phúc mạc	PT II	700.000
36	Phẫu thuật rò hậu môn các loại	PT II	700.000
37	Cắt dị tật hậu môn trực tràng không nối ngay	PT II	700.000
38	Phẫu thuật vết thương tầng sinh môn	PT II	700.000
39	Cắt cơ tròn trong	PT II	700.000
40	Phẫu thuật cắt ruột thừa	PT II	700.000
41	Cắt ruột thừa kèm túi Meckel	PT II	700.000
42	Phẫu thuật áp xe ruột thừa	PT II	700.000
43	Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành	PT II	700.000
44	Mở bụng thăm dò	PT II	700.000
45	Cắt trĩ	PT II	700.000
46	Phẫu thuật áp xe hậu môn có mở lỗ rò	PT II	700.000
47	Phẫu thuật thoát vị bẹn thắt	PT II	700.000
48	Mở thông dạ dày	PT II	700.000
49	Khâu lại bọc thành bụng đơn thuần	PT II	700.000
50	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường	PT II	700.000
51	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	PT III	560.000
52	Lấy máu tụ tầng sinh môn	PT III	560.000
53	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn	PT III	560.000
	<b>VIII. Gan - Mật - Tụy</b>		
1	Cắt phân thủy gan	PT I	1.260.000

STT	TÊN PHẪU THUẬT	LOẠI PHẪU THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
2	Cắt hạ phân thủy gan	PT I	1.260.000
3	Cắt gan không điển hình do vỡ gan	PT I	1.260.000
4	Lấy sỏi ống mật chủ kèm cắt hạ phân thủy gan	PT I	1.260.000
5	Lấy sỏi ống mật chủ dẫn lưu Kehr kèm cắt túi mật	PT I	1.260.000
6	Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu Kehr, phẫu thuật lại	PT I	1.260.000
7	Nối ống mật chủ-hỗng tràng kèm dẫn lưu trong gan và cắt gan	PT I	1.260.000
8	Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu Kehr kèm tạo hình cơ oddi	PT I	1.260.000
9	Cắt bỏ nang ống mật chủ và nối mật ruột	PT I	1.260.000
10	Cắt đuôi tụy và cắt lách	PT I	1.260.000
11	Cắt thân và đuôi tụy	PT I	1.260.000
12	Cắt lách bệnh lý, ung thư, áp xe, xơ lách	PT I	1.260.000
13	Nối lưu thông cửa chủ	PT I	1.260.000
14	Cắt chỏm nang gan	PT I	1.260.000
15	Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu Kehr lần đầu	PT I	1.260.000
16	Nối ống mật chủ tá tràng	PT I	1.260.000
17	Nối ống mật chủ hỗng tràng	PT I	1.260.000
18	Lấy sỏi ống Wirsung, nối ống Wirsung-hỗng tràng	PT I	1.260.000
19	Nối nang tụy dạ dày	PT I	1.260.000
20	Nối nang tụy-hỗng tràng	PT I	1.260.000
21	Cắt lách do chấn thương	PT I	1.260.000
22	Nối túi mật hỗng tràng	PT I	1.260.000
23	Dẫn lưu túi mật và dẫn lưu hậu cung mạc nối kèm lấy tổ chức tụy hoại tử	PT I	1.260.000

STT	TÊN PHẪU THUẬT	LOẠI PHẪU THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
24	Dẫn lưu áp xe tụy	PT I	1.260.000
25	Khâu vỡ gan do chấn thương, vết thương gan	PT I	1.260.000
26	Phẫu thuật vỡ tụy bằng chèn gạc cầm máu	PT II	700.000
27	Dẫn lưu túi mật	PT II	700.000
28	Lấy sỏi, dẫn lưu túi mật	PT II	700.000
29	Dẫn lưu áp xe gan	PT III	560.000
30	Cắt bỏ khối tá tụy	PTĐB	1.750.000
	<b>IX. Tiết niệu - Sinh dục</b>		
1	Cắt u tuyến thượng thận	PT I	1.260.000
2	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	PT I	1.260.000
3	Cắt 1 nửa thận	PT I	1.260.000
4	Cắt u thận lành	PT I	1.260.000
5	Lấy sỏi san hô thận	PT I	1.260.000
6	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang - trực tràng	PT I	1.260.000
7	Cắt thận đơn thuần	PT I	1.260.000
8	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	PT I	1.260.000
9	Lấy sỏi bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	PT I	1.260.000
10	Lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang	PT I	1.260.000
11	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	PT I	1.260.000
12	Cắt nối niệu quản	PT I	1.260.000
13	Cắt bàng quang đưa niệu quản ra ngoài da	PT I	1.260.000
14	Cắm niệu quản bàng quang	PT I	1.260.000
15	Cắt 1 nửa bàng quang và cắt túi thừa bàng quang	PT I	1.260.000

STT	TÊN PHẪU THUẬT	LOẠI PHẪU THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
16	Cắt u lành tuyến tiền liệt đường trên	PT I	1.260.000
17	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	PT I	1.260.000
18	Cắt u bàng quang đường trên	PT I	1.260.000
19	Lấy sỏi bàng quang lần 2 đóng lỗ dò bàng quang	PT I	1.260.000
20	Cắt cổ bàng quang	PT I	1.260.000
21	Cắt nối niệu đạo sau	PT I	1.260.000
22	Phẫu thuật treo thận	PT II	700.000
23	Lấy sỏi niệu quản	PT II	700.000
24	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	PT II	700.000
25	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu	PT II	700.000
26	Cắt nối niệu đạo trước	PT II	700.000
27	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	PT II	700.000
28	Phẫu thuật xoắn vỡ tinh hoàn	PT II	700.000
29	Dẫn lưu thận qua da	PT II	700.000
30	Lấy sỏi bàng quang	PT II	700.000
31	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	PT II	700.000
32	Cắt dương vật không vét hạch, cắt 1 nửa dương vật	PT II	700.000
33	Phẫu thuật vỡ vật hang do gãy dương vật	PT II	700.000
34	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	PT III	560.000
35	Dẫn lưu khoang retzius	PT III	560.000
36	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt	PT III	560.000
37	Cắt u nang thừng tinh Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	PT III	560.000
38	Cắt u sùi đầu miệng sáo	PT III	560.000
39	Cắt u lành dương vật	PT III	560.000

STT	TÊN PHẪU THUẬT	LOẠI PHẪU THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
40	Mở rộng lỗ sáo	PT III	560.000
41	Chích áp xe tầng sinh môn	PT III	560.000
	<b>X. Phụ khoa</b>		
1	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	PT I	1.260.000
2	Đóng rò trực tràng-âm đạo hoặc bàng quang âm đạo	PT I	1.260.000
3	Cắt 1 nửa tử cung trong viêm phần phụ, khối u dính	PT I	1.260.000
4	Lấy thai trong bệnh đặc biệt: tim, thận, gan	PT I	1.260.000
5	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng	PT I	1.260.000
6	Lấy khối máu tụ thành nang	PT I	1.260.000
7	Phẫu thuật Lefort	PT II	700.000
8	Lấy thai triệt sản	PT II	700.000
9	Khâu tầng sinh môn phức tạp đến cơ vòng	PT II	700.000
10	Cắt cụt cổ tử cung	PT II	700.000
11	Phẫu thuật treo tử cung	PT II	700.000
12	Cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	PT II	700.000
13	Làm lại thành âm đạo	PT II	700.000
14	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	PT II	700.000
15	Cắt u nang vú hay u vú lành	PT II	700.000
16	Khâu tử cung do nạo thủng	PT II	700.000
17	Lấy vòng trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ	PT II	700.000
18	Triệt sản qua đường rạch nhỏ sau nạo thai	PT II	700.000
19	Cắt polip cổ tử cung	PT III	560.000
20	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	PT III	560.000
	<b>XI. Nhi</b>		

STT	TÊN PHẪU THUẬT	LOẠI PHẪU THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
1	Cố định mảng sườn di động	PT I	1.260.000
2	Dẫn lưu áp xe phổi	PT III	560.000
3	Phẫu thuật tắc tá tràng các loại	PT I	1.260.000
4	Phẫu thuật lại tắc ruột sau phẫu thuật	PT I	1.260.000
5	Cắt dạ dày cấp cứu điều trị chảy máu dạ dày do loét	PT I	1.260.000
6	Cắt đoạn ruột trong lòng ruột có cắt đại tràng	PT I	1.260.000
7	Phẫu thuật tắc tá tràng do xoắn trùng tràng	PT I	1.260.000
8	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ em dưới 6 tuổi	PT I	1.260.000
9	Phẫu thuật điều trị thủng đường tiêu hoá có làm hậu môn nhân tạo	PT I	1.260.000
10	Lấy giun, dị vật ở ruột non	PT II	700.000
11	Phẫu thuật tắc ruột do dây chằng	PT II	700.000
12	Phẫu thuật tháo lồng ruột	PT II	700.000
13	Cắt túi thừa Meckel	PT II	700.000
14	Cắt ruột thừa viêm cấp ở trẻ em	PT II	700.000
15	Làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ em	PT II	700.000
16	Phẫu thuật thoát vị nghẹt bẹn, đùi, rốn	PT II	700.000
17	Phẫu thuật chảy máu đường mật, cắt gan	PT I	1.260.000
18	Phẫu thuật điều trị áp xe gan do giun, mở ống mật chủ lấy giun	PT I	1.260.000
19	Dẫn lưu túi mật	PT II	700.000
20	Lấy sỏi nhu mô thận	PT I	1.260.000
21	Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn	PT I	1.260.000
22	Phẫu thuật hạ tinh hoàn lạc chỗ 1 bên	PT I	1.260.000
23	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	PT II	700.000

STT	TÊN PHẪU THUẬT	LOẠI PHẪU THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
24	Cắt u nang buồng trứng xoắn	PT II	700.000
25	Đóng các lỗ dò niệu đạo	PT II	700.000
26	Phẫu thuật thoát vị bẹn	PT II	700.000
27	Dẫn lưu thận	PT II	700.000
28	Phẫu thuật sỏi bàng quang	PT II	700.000
29	Phẫu thuật nang thừng tinh 1 bên	PT II	700.000
30	Lấy sỏi niệu đạo	PT II	700.000
31	Mở thông bàng quang	PT III	560.000
32	Phẫu thuật bàn chân khoèo bẩm sinh	PT I	1.260.000
33	Phẫu thuật cứng khớp vai do xơ hoá cơ Delta	PT I	1.260.000
34	Phẫu thuật viêm xương tuỷ giai đoạn mạn tính	PT I	1.260.000
35	Dẫn lưu áp xe cơ đá chậu	PT II	700.000
36	Cắt lọc đơn thuần vết thương bàn tay	PT II	700.000
<b>XII. Chấn thương - Chỉnh hình</b>			
1	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống cổ	PT I	1.260.000
2	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lưng	PT I	1.260.000
3	Cố định nẹp vít gãy trật khớp vai	PT I	1.260.000
4	Cố định nẹp vít gãy liên lồi cầu cánh tay	PT I	1.260.000
5	Phẫu thuật gãy xương cánh tay kèm tổn thương thần kinh mạch máu	PT I	1.260.000
6	Cố định nẹp vít 2 xương cẳng tay	PT I	1.260.000
7	Phẫu thuật trật khớp khuỷu	PT I	1.260.000
8	Đóng đinh nội tuỷ xương đùi (xuôi dòng)	PT I	1.260.000
9	Kết hợp đinh nẹp 1 khối hoặc vít nẹp cổ xương đùi gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu xương đùi	PT I	1.260.000

STT	TÊN PHẪU THUẬT	LOẠI PHẪU THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
10	Kết hợp nẹp gấp góc 95 <sup>0</sup> hoặc vít nẹp lõi cầu xương đùi trong gãy trên lõi cầu, liên lõi cầu xương đùi	PT I	1.260.000
11	Đặt vít gãy mâm chày và đầu trên xương chày	PT I	1.260.000
12	Phẫu thuật điều trị cal lệch có kết hợp xương	PT I	1.260.000
13	Cắt u máu lan toả đường kính bằng và trên 5cm	PT I	1.260.000
14	Cắt u bạch mạch đường kính bằng và trên 5cm	PT I	1.260.000
15	Phẫu thuật trật khớp cùng đòn	PT I	1.260.000
16	Phẫu thuật xương bả vai lên cao	PT I	1.260.000
17	Cố định nẹp vít gãy thân xương cánh tay	PT I	1.260.000
18	Phẫu thuật cứng duỗi khớp khuỷu	PT I	1.260.000
19	Đóng đinh nội tuỷ gãy duỗi 2 xương cẳng tay	PT I	1.260.000
20	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	PT I	1.260.000
21	Phẫu thuật bàn tay cấp cứu có tổn thương phức tạp	PT I	1.260.000
22	Cắt cụt dưới mẫu chuyển xương đùi	PT I	1.260.000
23	Đặt nẹp vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren	PT I	1.260.000
24	Phẫu thuật cal lệch	PT I	1.260.000
25	Đục nạo xương viêm và chuyển vạt da che phủ	PT I	1.260.000
26	Phẫu thuật vết thương khớp	PT I	1.260.000
27	Nối gân gấp	PT I	1.260.000
28	Vá da dày toàn bộ dưới 10cm vuông	PT I	1.260.000
29	Cắt u cơ xâm lấn	PT I	1.260.000
30	Cắt u thần kinh	PT I	1.260.000
31	Phẫu thuật bong lóc da và cơ sau chấn thương	PT I	1.260.000
32	Phẫu thuật di chứng liệt cơ Delta, nhị đầu, tam đầu	PT I	1.260.000

STT	TÊN PHẪU THUẬT	LOẠI PHẪU THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
33	Phẫu thuật gãy xương đòn	PT I	1.260.000
34	Tháo khớp vai	PT I	1.260.000
35	Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương cánh tay	PT I	1.260.000
36	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ ra trước	PT I	1.260.000
37	Đóng đinh xương đùi mở ngược dòng	PT I	1.260.000
38	Phẫu thuật cắt cụt đùi	PT I	1.260.000
39	Đóng đinh xương chày mở	PT I	1.260.000
40	Kết hợp xương bằng nẹp vít thân xương chày	PT I	1.260.000
41	Kết hợp xương bằng nẹp vít gãy đầu dưới xương chày	PT I	1.260.000
42	Cố Phẫu thuật cố định gãy xương đốt bàn bằng kim Kirschner	PT I	1.260.000
43	Phẫu thuật cố định gãy xương sên bằng kim Kirschner	PT I	1.260.000
44	Đặt vít gãy thân xương sên	PT I	1.260.000
45	Đặt vít gãy trật xương thuyền	PT I	1.260.000
46	Cắt u xương sụn	PT I	1.260.000
47	Nối gân duỗi	PT I	1.260.000
48	Phẫu thuật gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	PT II	700.000
49	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay	PT II	700.000
50	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mở lấy xương chết dẫn lưu	PT II	700.000
51	Cắt cụt cẳng tay	PT II	700.000
52	Phẫu thuật cal lệch đều dưới xương quay	PT II	700.000
53	Tháo khớp cổ tay	PT II	700.000

STT	TÊN PHẪU THUẬT	LOẠI PHẪU THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
54	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay: đục, mở lấy xương chết dẫn lưu	PT II	700.000
55	Phẫu thuật viêm xương đùi: đục, mở lấy xương chết dẫn lưu	PT II	700.000
56	Tháo khớp gối	PT II	700.000
57	Cắt cụt cẳng chân	PT II	700.000
58	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đục, mở lấy xương chết dẫn lưu	PT II	700.000
59	Nẹp vít trong gãy trật xương chêm	PT II	700.000
60	Cắt u máu khu trú đường kính dưới 5cm	PT II	700.000
61	Cắt u nang bao hoạt dịch	PT II	700.000
62	Cắt cụt cánh tay	PT II	700.000
63	Găm Kirschner trong gãy mắt cá hoặc vít mắt cá	PT II	700.000
64	Phẫu thuật viêm tấy bàn tay cả viêm bao hoạt dịch	PT II	700.000
65	Kết hợp xương trong gãy xương mác	PT II	700.000
66	Phẫu thuật viêm tấy phần mềm ở cơ quan vận động	PT III	560.000
67	Tháo bỏ các ngón tay ngón chân	PT III	560.000
68	Tháo đốt bàn	PT III	560.000
69	Cắt u bao gân	PT II	700.000
70	Cắt đoạn khớp khuỷu	PT I	1.260.000
71	Gỡ dính gân	PT I	1.260.000
72	Gỡ dính thần kinh	PT I	1.260.000
73	Néo ép hoặc buộc chỉ thép gãy xương bánh chè	PT II	700.000
74	Phẫu thuật cơ gân Achille	PT II	700.000
	<b>XIII. Bông</b>		

STT	TÊN PHẪU THUẬT	LOẠI PHẪU THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
	<b>A- Người lớn</b>		
1	Cắt hoại tử tiếp tuyến 10-15% diện tích cơ thể	PT II	700.000
2	Cắt lọc da, cơ, cân từ 3%-5% diện tích cơ thể	PT II	700.000
3	Cắt hoại tử tiếp tuyến dưới 10% diện tích cơ thể	PT III	560.000
4	Cắt lọc da, cơ, cân dưới 3% diện tích cơ thể	PT III	560.000
	<b>B- Trẻ em</b>		
5	Cắt hoại tử tiếp tuyến từ 3-8% diện tích cơ thể	PT II	700.000
6	Cắt lọc da, cơ, cân từ 1-3% diện tích cơ thể	PT II	700.000
7	Cắt hoại tử tiếp tuyến dưới 3% diện tích cơ thể	PT III	560.000
8	Cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	PT III	560.000
9	Ghép da tự thân từ 5-10% diện tích bỏng cơ thể	PT II	700.000
10	Ghép da tự thân dưới 5% diện tích bỏng cơ thể	PT III	560.000
	<b>XIV. Nội soi</b>		
1	Cắt dây chằng trong ổ bụng qua nội soi	PT I	1.260.000
2	Cắt ruột thừa qua nội soi	PT I	1.260.000
3	Khâu lỗ thủng dạ dày qua nội soi	PT I	1.260.000
4	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung qua nội soi	PT I	1.260.000

**Phần B: THỦ THUẬT**

STT	TÊN THỦ THUẬT	LOẠI THỦ THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
	<b>I. Khối u</b>		
1	Chọc dò sinh thiết gan qua siêu âm	TT I	490.000
2	Chọc tuỷ xương làm tuỷ đồ/ sinh thiết	TT I	490.000
3	Chọc dò u phổi trung thất	TT I	490.000
4	Sinh thiết trực tràng có gây mê	TT II	315.000
5	Sinh thiết cổ tử cung âm đạo	TT II	315.000
6	Sinh thiết Amidal	TT III	140.000
7	Sinh thiết u vùng khoang miệng	TT III	140.000
	<b>II. Mắt</b>		
1	Lấy dị vật giác mạc sâu	TT I	490.000
	<b>III. Tai - Mũi - Họng</b>		
1	Khâu vành tai rách sau chấn thương	TT I	490.000
	<b>IV. Răng - Hàm - Mặt</b>		
1	Chọc sinh thiết u vùng hàm mặt	TT II	315.000
	<b>V. Tâm thần</b>		
1	Sốc điện tâm thần	TT III	140 000
	<b>VI. Tiêu hoá - Gan - Mật - Tụy</b>		
1	Đặt ống thông đại tràng, tháo xoắn đại tràng xích ma	TT I	490.000
2	Chọc mật qua da dẫn lưu tạm thời đường mật qua da	TT I	490.000
3	Chụp bơm hơi màng bụng, bơm hơi khối u nang	TT I	490.000

STT	TÊN THỦ THUẬT	LOẠI THỦ THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
4	Chọc dò túi cùng Douglar	TT II	315.000
	<b>Tiết niệu - Sinh dục</b>		
1	Lấy sỏi, tán sỏi niệu quản qua nội soi	TT I	490.000
2	Nội soi bàng quang, bơm rửa lấy máu tránh phẫu thuật	TT II	315.000
3	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc Trôca	TT II	315.000
	<b>Phụ sản</b>		
1	Cấy rút mảnh ghép tránh thai nhiều que	TT II	315.000
2	Cấy rút mảnh ghép tránh thai 1 que	TT III	140.000
	<b>Nhi Khoa</b>		
1	Cấp cứu ngừng tuần hoàn	TT ĐB	840.000
	<b>Hồi sức cấp cứu</b>		
1	Sốc điện cấp cứu có kết quả	TT I	490.000
2	Cấp cứu người bệnh mới vào viện ngạt thở có kết quả	TT I	490.000
	<b>Chẩn đoán hình ảnh</b>		
1	Tháo lồng ruột qua bơm hơi, ba rít	TT I	490.000
2	Chọc dò, làm sinh thiết, chẩn đoán tế bào học dưới hướng dẫn của siêu âm, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ	TT I	490.000
3	Siêu âm, XQ trên bàn mổ	TT II	315.000
4	Siêu âm Doppler có thuốc đối quang	TT II	315.000
5	Chụp lưu thông ruột non qua ống thông	TT III	140.000
6	Chụp thực quản/dạ dày/tiểu tràng/đại tràng có đối quang kép	TT III	140.000

STT	TÊN THỦ THUẬT	LOẠI THỦ THUẬT	MỨC GIÁ (Đồng)
	<b>Nội soi</b>		
1	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hoá cao để chẩn đoán và điều trị	TT I	490.000
2	Nội soi đường mật qua tá tràng	TT I	490.000
3	Soi ổ bụng/hố thận/khung chậu để thăm dò, chẩn đoán	TT I	490.000
	<b>Laser</b>		
1	Điện đông bằng thiết bị Plasma hoá điều trị u máu và các u nhỏ lành tính ngoài da	TT I	490.000
2	Quang đông bằng Laser điều trị sẹo lồi, bớt sắc tố, bớt cà phê và u máu các loại	TT III	140.000
3	Quang đông, quang bóc bay tổ chức bằng Laser CO2 điều trị u máu các thể ở da, điều trị mào gà sinh dục, giãn tĩnh mạch	TT III	140.000
4	Quang đông bằng Laser CO2 điều trị viêm lộ tuyến cổ tử cung, trĩ ngoại, viêm họng hạt, giãn tĩnh mạch dưới da	TT III	140.000
	<b>Da liễu</b>		
1	Đốt điện nốt ruồi, mụn cóc, sần cục, u vàng, u nhú sinh dục ( 4-5 thương tổn )	TT III	140.000
	<b>Cơ xương khớp</b>		
1	Tiêm ngoài màng cứng	TT III	140.000
2	Tiêm cạnh cột sống	TT III	140.000
3	Tiêm khớp	TT III	140.000

**PHỤ LỤC 2**

**MỨC THU VỀ CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG  
VÀ CÁC BỆNH, NHÓM BỆNH ĐIỀU TRỊ TẠI CÁC CƠ SỞ KCB,  
BỆNH VIỆN ĐIỀU DƯỠNG PHỤC HỒI CHỨC NĂNG  
ĐƯỢC BẢO HIỂM Y TẾ THANH TOÁN.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2008/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2008  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

<b>I</b>	<b>Các dịch vụ kỹ thuật phục hồi chức năng</b>	
	1. Kéo nắn cột sống các khớp.	4. ánh sáng trị liệu:
	2. Tập vận động cho người bệnh: (tập thụ động có trợ giúp) với người bệnh liệt nửa người, liệt chi, tổn thương hệ vận động.	Hồng ngoại; Tử ngoại. Lase điều trị: (lase chiếu, nội mạch, thẩm mỹ).
	3. Điện trị liệu:	5. Nhiệt trị liệu:
	Điện phân.	Bó Parafin.
	Điện xung (giao thoa, điện vi dòng, sóng xung kích)	Ngải cứu.
	Điện từ trường.	Túi chườm.
	Siêu âm.	6. Xoa bóp, bấm huyệt.
	Sóng ngắn.	7. Châm cứu.
	Điện châm.	8. Thủy châm.
<b>II</b>	<b>Khung giá dịch vụ kỹ thuật PHCN được Bảo hiểm y tế thanh toán</b>	
	<b>Tên dịch vụ</b>	<b>Mức giá (đồng)</b>
1	Khám bệnh	3 000
2	Kéo nắn cột sống	15 000
3	Tập vận động cho người bệnh (toàn thân, 30 phút)	15 000
4	Tập vận động (mỗi đoạn chi, 30 phút)	10 000
5	Điện phân	5 000
6	Giao thoa	7 000

7	Điện vi dòng giảm đau	7 000
8	Sóng xung kích điều trị	21 000
9	Điện từ trường	6 000
10	Siêu âm điều trị	8 000
11	Sóng ngắn	6 000
12	Hồng ngoại	5 000
13	Tử ngoại	5 000
14	Lase chiếu ngoài	7 000
15	Lase nội mạch	25 000
16	Lase thẩm mỹ	25 000
17	Bó Parafin	5 000
18	Ngải cứu/Túi chườm	4 000
19	Xoa bóp, bấm huyệt	15 000
20	Châm cứu	5 000
21	Thủy châm (không kể tiền thuốc)	10 000
22	Điện châm	5 000